TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-PT
Ngày 30-8-2018
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền, ông Lò Văn Điệt.

- Thư ký phiên toà : Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối . Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PY bị kháng cáo . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 27/2018/QĐPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân B (tên gọi khác Nguyễn Văn B) và bà NTD; địa chỉ: Bản YT2, xã TL, huyện PY, tỉnh Sơn La. Bà D ủy quyền cho ông NVG tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 31/7/2017, (ông NVG có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ông NVG và bà Đặng Thị S; địa chỉ: Bản YT2, xã TL, huyện PY, tỉnh Sơn La. Ông G và bà S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hiệp tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2018, (ông G và bà H có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Ông NVG, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B, bà NTD trình bày: Gia đình ông được UBND huyện PY cấp giấy CNQSDĐ số 00036 ngày 27/5/2004 với tổng diện tích 72.121m^2, trong đó thửa đất số 31 diện tích 30.000m^2 là đất rừng trồng phòng hộ trên đó có trồng cây mỡ. Tháng 3/2016 ông Ông NVG đã đến chặt phá 60 cây mỡ. Ông NVGà đã đề nghị chính quyền xã giải quyết và yêu cầu ông G bồi thường 1,5 triệu đồng. Sau khi cây bị chặt mọc mầm trở lại, tháng 6 năm 2017 ông G lại chặt phá tiếp 112 mầm và phun thuốc diệt cỏ và diện tích khoảng 2.000m^2 để trồng ngô, sắn; ông NVG yêu cầu bồi thường 1 triệu đồng. Cả hai đợt ông NVG yêu cầu ông

G bồi thường số tiền 2.500.000đ và trả lại diện tích hơn 800m^2 đất. Việc ông G, bà S có đơn yêu cầu phản tố đòi bồi thường số tiền 3.190.000đ ông không nhất trí.

Bị đơn ông Ông NVG, bà Đặng Thị S trình bày: Diện tích đang tranh chấp là của gia đình ông NVG khai hoang từ năm 1982. Đến năm 1987, gia đình ông NVG mới lên cư trú tại bản Yên Thịnh, sau đó đã lấn chiếm đất của gia đình ông và trồng cây mỡ vào. Năm 2004, khi địa chính huyện lên làm sổ đỏ lần hai thì cả hai gia đình không kê khai diện tích đất đang tranh chấp vào sổ đỏ vì đất giáp ranh giữa hai xã ML và TL theo địa giới 364. Khi gia đình ông làm nương có sử dụng thuốc diệt cỏ để phun và có chặt cây mỡ trên đất 2.513m^2 đang tranh chấp với ông NVG,còn diện tích đất 842,5m^2 ông NVG yêu cầu ông G trả là thuộc thửa đất số 29 của ông G không phải thửa 31 của ông NVG nên ông không nhất trí yêu cầu trên của ông NVG, việc ông chặt cây mỡ đã được ban Công an xã giải quyết và ông chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông NVG số tiền 1,5 triệu đồng. Tuy nhiên, khi chưa kịp nộp thì ông NVG cho con trai là anh Nguyễn Văn Thịnh lên phun thuốc diệt cỏ vào nương ngô, sắn với diện tích trên 800m^2 và chặt trộm năm cây xoan nên ngày 13/9/2017 gia đình ông NVGà có đơn phản tố và yêu cầu ông NVG phải bồi thường thiệt hại cụ thể như sau:

- Đối với ngô quy ra sản lượng bình quân 7 tấn/ha 588kg x 450đ/tạ = 2.646.000đ; 05 cây xoan bị chặt 0,75m^3 x 1.200.000đ/m^3 = 1.575.000đ.

- Đối với sắn quy ra sản lượng bình quân 800kg x 80.000đ/tạ = 640.000đ.

- Tổng cộng 4.855.000đ.

Ngày 24/10/2017 ông G có thay đổi nội dung đơn phản tố và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tính theo ngày công, thuốc diệt cỏ, phân bón và giống đã đầu tư gồm: Ngô giống lai 9955 là 1,5kg x 110.000đ = 165.000đ; 4 công x 150.000đ = 600.000đ; thuốc trừ cỏ 3 lọ x 30.000đ = 90.000đ; phân NPK 50kg x 4.7000đ = 235.000đ; phân đạm 30 kg x 7.500đ =225.000đ; công NVGón phân và gieo trồng 2 công x 150.000đ = 300.000đ; công thồ nước và phun thuốc diệt cỏ 01 công x 150.000đ = 150.000đ; hom sắn và trồng 2 công x 150.000đ = 300.000đ; 05 cây xoan trị giá 1.125.000đ. Tổng cộng 3.190.000đ

Tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PY đã quyết định: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 125; khoản 2 Điều 136 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Ông Ông NVG có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cây trồng cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 1.5000.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

- Bác nội dung đơn yêu cầu phản tố của ông Ông NVG ghi ngày 24/10/2017 về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân B bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 3.190.000đ (ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)

- Bác nội dung đơn yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B ghi ngày 13/7/2017 về việc yêu cầu ông Ông NVG trả lại diện tích đất 842,5m^2.

- Về án phí dân sự và chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ: áp dụng các Điều 155, 156, 157, 158 BLTTDS; điểm 1,4,5 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Ông Ông NVG phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trong đó 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04211 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PY, tỉnh Sơn La và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

- Ông Ông NVG phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền chi phí đo đạc để trả cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 6.500.000đ nộp tại chi cục thi hành án dân sự và ông G phải tự chịu 4.000.000đ đã nộp phí đo đạc.

- Ông Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm phần không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2013/04211 ngày 13/9/2017.

- Trả lại cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2013/04210 ngày 13/9/2017 của Chi cục THADS huyện PY.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/01/2018, bị đơn ông Ông NVG có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND huyện PY.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Ông NVG, nhất trí bồi thường cho ông NVG 1.500.000đ (là tiền thiệt hại do ông G đã chặt 60 cây mỡ của ông NVG), tuy nhiên ông G yêu cầu ông NVG phải bồi thường thiệt hại hoa màu, cây cối (do con trai ông NVG phun thuốc diệt cỏ làm ngô sắn bị thiệt hại và 05 cây xoan đã bị ông NVG chặt bán) số tiền 3.190.000đ (ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng); không nhất trí việc phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ý kiến của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đối với đương sự: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn về phí xem xét thẩm định: Ông Nguyễn Văn B phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền chi phí đo đạc lần 1 là 6.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 23/8/2017 Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 13/9/2018, bị đơn có đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại hoa màu, cây cối là 3.190.000đ (do ông NVG cho con trai là Nguyễn Văn Thịnh lên phun thuốc diệt cỏ vào nương ngô, sắn với diện tích trên 800m^2 và chặt trộm năm cây xoan). Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là yêu cầu phản tố của bị đơn và thụ lý giải quyết là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nếu sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn không có quyền phản tố. Do vậy, cần hủy 1 phần bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2] Về diện tích 842,5m^2 đất mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại: Cả hai đương sự đều cho rằng đây là đất của mình. Nguyên đơn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có tên trên sơ đồ tổng thể giao đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất nêu trên. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ lần thứ nhất không khẳng định diện tích đất này của ai. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ lần thứ hai xác định đây là khu đất giáp ranh giữa hai xã ML và TL. Theo bản đồ địa giới 364 phần lớn thuộc xã ML, diện tích đất tranh chấp không thuộc thửa đất số 31 của ông NVG và cũng không phải của ông G. Kết quả xác minh với Ủy ban nhân dân xã TL và Ủy ban nhân dân xã ML đều khẳng định về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp không được giao cho các đương sự mà trước đây thuộc quyền quản lý của Lâm trường Phù Bắc Yên và hiện nay do Ủy ban nhân dân xã ML và TL quản lý. Do vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông NVG kiện ông G trả lại diện tích đất 842,5m^2 là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn đối với bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm xác định số cây Mỡ của ông NVG bị ông G chặt phá là 60 cây trên diện tích 2.513m^2 thuộc thửa đất số 31 trong sơ đồ giao đất C179-3 đã được cấp cho ông Nguyễn Xuân B, sự việc xảy ra tháng 3/2016 đã được Công an xã TL giải quyết, hai bên đã thỏa thuận ông G sẽ bồi thường cho ông NVG 1.500.000đ; tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 15/01/2018 ông G đã xác nhận và chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông NVG; tại phiên tòa phúc thẩm ông G đã xác nhận sự việc và chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông NVG số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng yêu cầu ông NVG phải bồi thường lại cho ông 3.190.000đ (tiền thiệt hại hoa màu, cây cối). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ông NVG có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cây trồng cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 1.500.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông G phải chịu tiền lãi chậm thanh toán là thiếu sót cần bổ sung tại cấp phúc thẩm.

[4] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hai lần để xác định diện tích đất đang tranh chấp với tổng chi phí xem xét thẩm định chi phí đo đạc là 10.500.000đ, trong đó nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí 6.500.000đ, bị đơn đã nộp tạm ứng chi phí 4.000.000đ. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ lần thứ 1 (theo yêu cầu của nguyên đơn): không khẳng định diện tích đất này của ai; Lần thứ 2: bị đơn ông Ông NVG có đơn yêu cầu xem xét

thẩm định lại diện tích đất đang tranh chấp trên vì ông G cho rằng đất 842,5m^2 đang tranh chấp không thuộc thửa đất số 31 của ông NVG mà thuộc thửa 29 được cấp cho ông. Kết quả xem xét thẩm định lần thứ 2 xác định diện tích đất 842,5m^2 đang tranh chấp không thuộc thửa đất số 31 của ông NVG và cũng không phải của ông G.

Như vậy, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ dẫn đến yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Ông NVG phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của cả hai lần (tổng cộng 10.500.000đ) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 BLTTDS năm 2015 (quy định về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ). Do vậy, cần sửa án sơ thẩm và buộc các bên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, trong đó nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B phải chịu là 6.500.000đ và bị đơn phải chịu 4.000.000đ.

[5] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là có căn cứ. Đối với bị đơn, do Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường 1.500.000đ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Do yêu cầu phản tố của bị đơn bị đình chỉ giải quyết nên bị đơn được trả lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì bản án bị sửa và hủy, đình chỉ giải quyết một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308, Điều 309, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Ông NVG, sửa một phần bản án số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PY.

2. Áp dụng các Điều 584, 585 589 Bộ luật dân sự, buộc ông Ông NVG có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B về việc yêu cầu ông Ông NVG trả lại 843,5m^2 đất.

4. Hủy phần yêu cầu phản tố và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bị đơn ông Ông NVG về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân B bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 3.190.000đ *(ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng các Điều 155, 156, 157, của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Nguyễn Xuân B phải chịu 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và buộc ông Ông NVG phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và được khấu trừ đủ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của ông Nguyễn Xuân B và ông Ông NVG đã nộp.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/04182 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PY; được trả lại 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2013/04210 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PY.

- Ông Ông NVG phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ đủ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000085 ngày 30/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PY; ông Ông NVG còn được được trả lại 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố theo biên lai số AA/2013/04211 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PY.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2018)

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện PY;
- Chi cục THADS huyện PY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Huy Hiệp